TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2020/DS-PT
Ngày: 25-5-2020
V/v: "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Nguyễn Văn Tửu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 669/2019/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 239/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**:

1. Ông Đỗ Hoàng N, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 528 đường CMT8, tổ 25, khu phố 4, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

2. Bà Đỗ Thị Hồng H, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 185/83, khu 9, đường Nguyễn Tri Phương, phường CN, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

3. Bà Đỗ Thị Hoa H1, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 58/41, tổ 12B khu phố 10, phường AB, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

4. Bà Đỗ Thị Hoa X, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 105 đường CMT8, tổ 15, khu phố 2, phường CN, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương (có mặt).

5. Ông Đỗ Hoàng T, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 118/4 tổ 9, khu 7, phường PL, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nh bà H, bà H1 và ông T: Bà Đỗ Thị Hoa X, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 105 đường CMT8, tổ 15, khu phố 2, phường CN, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo uỷ quyền (có mặt).

- **Bị đơn**: Ông Đỗ Hoàng T1, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 528 đường CMT8, tổ 25, khu phố 4, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Hoàng C, sinh năm 1952; Quốc tịch: Hoa Kỳ; địa chỉ: 1552 Young St # 101 Honolulu Hawaii, 96826, Hoa Kỳ.

Người đại diện hợp pháp của Đỗ Hoàng C: Bà Đỗ Thị Hoa X, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 105 đường CMT8, tổ 15, khu phố 2, phường CN, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo uỷ quyền (có mặt).

2. Bà Lê Thanh Th, sinh năm 1973 (có mặt).

3. Anh Đỗ Thành L, sinh năm 2000 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 528 đường CMT8, tổ 25, khu phố 4, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Bà Trần Minh T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 17/6 HVN, phường PL, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương (có mặt).

5. Công ty X; địa chỉ: Số 36, đường 26, phường HBC, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty: Ông Trần Thanh T2– Giám đốc là đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Lâm Bỉnh C1, sinh năm 1930; địa chỉ: khu phố 4, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

2. Bà Đỗ Ngọc A, sinh năm 1941; địa chỉ: Số 526/7 đường CMT8, tổ 25, khu phố 4, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (vắng mặt).

3. Ông Châu Văn T3, sinh năm 1945; địa chỉ: Số 526/7 đường CMT8, tổ 25, khu phố 4, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (vắng mặt).

4. Bà Võ Thị B, sinh năm 1941; địa chỉ: Số 526/11 đường CMT8, tổ 25, khu phố 4, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Ông Đỗ Hoàng T1, Bà Lê Thanh Th, anh Đỗ Thành L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Đỗ Hoàng N, Bà Đỗ Thị Hồng H, Bà Đỗ Thị Hoa H1, Bà Đỗ Thị Hoa X, Ông Đỗ Hoàng T trình bày:

Cha mẹ các nguyên đơn là cụ Đỗ Văn H, sinh năm 1918 (chết ngày 07/6/2000) và cụ Nguyễn Thị B1, sinh năm 1922 (chết ngày 19/4/2018); cụ Hvà cụ B1 có 08 người con chung gồm: 1. Đỗ Thị Ng, sinh năm 1946, chết ngày 17/01/2015 (không có chồng con); 2. Đỗ Hoàng C; 3. Đỗ Hoàng N; 4. Đỗ Thị Hồng Hoa; 5. Đỗ Thị Hoa H1; 6. Đỗ Thị Hoa X; 7. Đỗ Hoàng T và 8. Đỗ Hoàng T1. Năm 1996, cụ H và cụ B1 lập di chúc để định đoạt tài sản thừa kế, bao gồm: Nhà, đất có diện tích 59m^2; tọa lạc tại: 271 (nay là 528) đường CMT8, tổ 25, khu 1 (nay là khu 4), phường PC, thành phố TDM chia đều cho 08 người con có tên nêu trên; về đồ gia dụng, gồm có: Bàn, ghế, tủ, radio, cassette, vàng, bạc cụ Hvà cụ B1 để lại cho người con trai út là Đỗ Hoàng T toàn quyền sử dụng và định đoạt. Di chúc được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) phường PC, thị xã (nay là thành phố) TDM, tỉnh Bình Dương xác nhận ngày 06/6/1996.

Sau khi cụ H và cụ B1 chết, các anh em công bố di chúc và mong muốn thực hiện đúng nội dung tờ di chúc mà cha mẹ đã xác lập, nhưng ông Đỗ Hoàng T1 không đồng ý và có ý định chiếm dụng nhà, đất nên không thể thỏa thuận được. Tài sản là nhà, đất này hiện ông Đỗ Hoàng T1 và ông Đỗ Hoàng N cùng cư ngụ, quản lý và sử dụng.

Do ông Đỗ Hoàng T1 không thực hiện nội dung di chúc nên các nguyên đơn có đơn yêu cầu phân chia tài sản theo di chúc gửi UBND phường PC, thành phố TDM; sau khi mời các người có tên trong di chúc đến hòa giải nhưng ông Đỗ Hoàng T1 không chấp nhận. Nay, các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

Theo di chúc, tài sản do cha mẹ của các nguyên đơn để lại chia đều cho 08 người mỗi người được chia 01 phần bằng nhau; do bà Đỗ Thị N chết không có chồng, con nên tài sản trên chia đều cho 07 người. Các nguyên đơn và ông Đỗ Hoàng C đồng ý để nhà đất cho ông Đỗ Hoàng N sử dụng và sở hữu để anh chị em, con cháu trong gia đình có nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ; những người còn lại nhận kỷ phần thừa kế của mình bằng giá trị; Bà Đỗ Thị Hoa X đồng ý cùng ông Nđứng ra hoàn lại giá trị kỷ phần cho các thừa kế. Đối với vật dụng và vàng, bạc cha mẹ để lại các nguyên đơn không có tranh chấp.

Bị đơn ông Đỗ Hoàng T1 trình bày:

Lúc chưa thành niên, ông T1 có trúng vé số, do chưa đủ tuổi nên để cha mẹ đi nhận tiền. Sau đó, cha mẹ ông T1 dùng số tiền này để mua nhà theo giấy công nhận quyền sở số 101971/XDSH do UBND tỉnh Sông Bé (nay là Bình Dương) cấp ngày 30/10/1989 tại 528 đường CMT8, tổ 25, khu 4, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương, diện tích xây dựng là 56m^2, loại nhà 01 trệt, 01 lầu; được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 983540, số vào sổ 00167.QSDĐ/H, thửa số 08, tờ bản đồ số 34, diện tích 59m^2.

Ông T1 và ông Đỗ Hoàng N sống chung với cha mẹ trong căn nhà này từ ngày mua cho đến nay, khi cha mẹ còn sống ông T1 là người phụng dưỡng,

những người khác là Đỗ Hoàng C, Đỗ Thị Hồng H, Đỗ Thị Hoa H1, Đỗ Thị Hoa X, Đỗ Hoàng T khi lập gia đình đều đã ra ở riêng.

Trong đơn khởi kiện của ông N, bà H, bà H1, bà X và ông T cho rằng ông T1 có ý định chiếm dụng nhà, đất là di sản mà cha mẹ để lại là hoàn toàn không đúng sự thật, vì khi cha mẹ còn sống cho đến nay ông T1 vẫn ở tại nhà, đất này. Ông T1 muốn giữ lại nhà và đất để ở và kinh doanh nuôi vợ con. Trước yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, ông T1 không đồng ý vì nguồn tiền nhận chuyển nhượng đất, xây dựng nhà là từ tiền trúng vé số của ông T1 mà có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Minh T trình bày:

Bà T là chị chồng của ông Trần Thanh T2, do muốn kinh doanh tại Bình Dương nên ông T2 có nhờ bà T tìm mặt bằng. Bà T biết ông T1 có ý định cho thuê mặt bằng, nên bà T giới thiệu cho ông T2 thuê, hàng tháng bà T là người trả tiền thuê nhà 2.000.000 đồng cho ông T1. Trước khi thuê nhà, ông T2 có sửa chữa lại mặt bằng.

Người làm chứng ông Lâm Bỉnh C1 và ông Châu Văn T3 trình bày:

Ông C1 và ông T3 có nghe nói lại là ông T1 lấy cắp 01 tờ vé số của cha ông T1 là ông Đỗ Văn H, tờ vé số này sau đó trúng giải độc đắc và cũng nghe nói ông T1 đưa tờ vé số cho ông H đi lĩnh thưởng rồi sau đó lấy tiền xây dựng nhà, nhưng không thấy.

Người làm chứng Bà Võ Thị B **và bà Đỗ Ngọc A trình bày:** Bà B và bà A có nghe nói lại là ông T1 trúng số và đưa tờ vé số cho cha ông T1 là ông Đỗ Văn H đi lĩnh thưởng rồi sau đó lấy tiền xây dựng nhà, nhưng không thấy.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019, Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 165, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 221, 234, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 643 và 659 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Hoàng N, Bà Đỗ Thị Hồng H, Bà Đỗ Thị Hoa H1, Bà Đỗ Thị Hoa X và Ông Đỗ Hoàng T đối với bị đơn ông Đỗ Hoàng T1 về việc "tranh chấp về thừa kế tài sản";

Tuyên bố "Di chúc" của ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị B1 lập ngày 29/5/1996 được Ủy ban nhân dân phường PC, thị xã (nay thành phố) TDM, tỉnh Bình Dương xác nhận ngày 06/6/1996 là hợp pháp.

Xác định căn nhà có tổng diện tích xây dựng 92,2m^2 gắn liền diện tích đất 59m^2 (đo đạc thực tế 58,9m^2), thuộc thửa số 08, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại số: 528 đường CMT8, tổ 25, khu 4, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương

là di sản thừa kế của ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị B1 di chúc cho ông Đỗ Hoàng C, ông Đỗ Hoàng N, Bà Đỗ Thị Hồng H, Bà Đỗ Thị Hoa H1, Bà Đỗ Thị Hoa X, Ông Đỗ Hoàng T và ông Đỗ Hoàng T1 (theo Giấy công nhận quyền sở hữu nhà cửa số 101971/XDSH ngày 30/10/1989 của UBND tỉnh Sông Bé cấp cho ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị B1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 983540 ngày 26/5/2004 của UBND thị xã TDM cấp cho hộ bà Nguyễn Thị B1).

2. Chia di sản thừa kế của ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị B1 theo di chúc thành 07 phần, cụ thể: Ông Đỗ Hoàng N, ông Đỗ Hoàng T1 mỗi người được chia số tiền 914.878.570 đồng (chín trăm mười bốn triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi đồng); ông Đỗ Hoàng C, Bà Đỗ Thị Hồng H, Bà Đỗ Thị Hoa H1, Bà Đỗ Thị Hoa X, Ông Đỗ Hoàng T mỗi người được chia số tiền 658.712.570 đồng (sáu trăm năm mươi tám triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm bảy mươi đồng).

Buộc ông Đỗ Hoàng N và Bà Đỗ Thị Hoa X thanh toán cho ông Đỗ Hoàng T1 số tiền 914.878.570 đồng (chín trăm mười bốn triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi đồng). Buộc ông Đỗ Hoàng N và Bà Đỗ Thị Hoa X thanh toán cho ông Đỗ Hoàng C, Bà Đỗ Thị Hồng H, Bà Đỗ Thị Hoa H1, Bà Đỗ Thị Hoa X và Ông Đỗ Hoàng T mỗi người số tiền 658.712.570 đồng (sáu trăm năm mươi tám triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi của số tiền chưa trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp ông Đỗ Hoàng N và Bà Đỗ Thị Hoa X không thanh toán thì các đồng thừa kế có quyền yêu cầu phát mãi tài sản để chia theo tỷ lệ, sau khi trừ đi công sức đóng góp của ông Đỗ Hoàng N, ông Đỗ Hoàng T1 và chi phí phát mãi tài sản.

Buộc ông Đỗ Hoàng C, Bà Đỗ Thị Hồng H, Bà Đỗ Thị Hoa H1, Bà Đỗ Thị Hoa X, Ông Đỗ Hoàng T, ông Đỗ Hoàng T1, Bà Lê Thanh Th, ông Đỗ Thành L, Công ty X và bà Trần Minh T giao cho ông Đỗ Hoàng N sở hữu và sử dụng nhà có tổng diện tích xây dựng 92,2m^2 gắn liền diện tích đất 59m^2 (đo đạc thực tế 58,9m^2) thuộc thửa số 08, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại số: 528 đường CMT8, tổ 25, khu 4, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương, đất có tứ cận:

- Hướng Đông giáp đường CMT8;

- Hướng Tây giáp đường bê tông và đất ông Nguyễn Tấn T4;

- Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Tấn T4;

- Hướng Bắc giáp đường bê tông.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ông Đỗ Hoàng N được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng nhà, đất theo quyết định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, bị đơn ông Đỗ Hoàng T1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng ông T1có nhiều công sức đóng góp cho căn nhà tọa lạc tại số 528, đường CMT8, tổ 25, khu phố 4, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương từ lúc tuổi còn nhỏ đến nay và cư trú ổn định. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, công việc không ổn định nên yêu cầu được sử dụng nhà, đất, ông T1sẽ trả lại giá trị cho các anh em.

Ngày 26 và ngày 27 tháng 11 năm 2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Lê Thanh Th và anh Đỗ Thành L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng khu đất tranh chấp được Nhà nước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị B1 nên là tài sản chung của các thành viên có tên trong hộ khẩu tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn nhà trên đất là do cụ B1 và ông T1tạo lập nên những người có tên trong hộ khẩu phải có một phần trong đó. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Đỗ Hoàng T1 trình bày:

Ông xin được ở lại căn nhà số Số 528 đường CMT8, tổ 25, khu phố 4, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương để ổn định cuộc sống bởi bản thân vợ chồng ông tật nguyền, con trai mới đi nghĩa vụ về chưa có nghề nghiệp ổn định, con gái nhỏ mới học lớp 6, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn.

Bà Lê Thanh Th và anh Đỗ Thành L trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của ông Đỗ Hoàng T1.

Bà Bà Trần Minh T trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho Toàn được ở lại căn nhà số 528 đường CMT8, tổ 25, khu phố 4, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương. Bản thân công ty X nếu không thuê được sẽ dọn đi nới khác nhưng với số tiền 100 triệu gia đình ông T1 sẽ khó có thể tìm được chỗ ở mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: So với phiên tòa sơ thẩm thì những tình tiết trong phiên tòa hôm nay hoàn toàn không có gì mới. Bản án sơ thẩm đã em xét công sức đóng góp của ông T1 nên kỉ phần của ông T1 được nhiều hơn người khác. Tại phiên tòa phúc thẩm, sau khi nghe Hội đồng xét xử phía bên nguyên đơn đã đồng ý hỗ

trợ thêm 100 triệu. Xét thấy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T1, bà Th, anh L. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bà X hỗ trợ thêm cho ông T1 100 triệu, tạo điều kiện cho ông T1 tìm chỗ ở khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí của đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Công ty X đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Bà T là chị dâu của Giám đốc công ty, là người được công ty giao cho quản lý kinh doanh tại nhà số 528 đường CMT8, tổ 25, khu phố 4, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương xác nhận Giám đốc công ty đã nhận được giấy triệu tập phiên tòa hai lần nhưng bận việc nên không có mặt. Ông T1 cũng xác định bà Trần Minh T là người trực tiếp kinh doanh công ty ở đây. Tại phiên tòa phúc thẩm, còn có một số đương sự khác vắng mặt nhưng các đương sự này đã có văn bản ủy quyền cho người khác tham gia phiên tòa hoặc được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự thừa nhận:

[2.1.1] Vợ chồng cụ Đỗ Văn H (chết ngày 07/6/2000) và cụ Nguyễn Thị B1 (chết ngày 19/4/2018) có 08 người con chung gồm: Đỗ Thị Ng, sinh năm 1946, chết ngày 17/01/2015 (không có chồng con); Đỗ Hoàng C; Đỗ Hoàng N; Đỗ Thị Hồng H; Đỗ Thị Hoa H1; Đỗ Thị Hoa X; Đỗ Hoàng T và Đỗ Hoàng T1.

[2.1.2] Ranh giới khu đất, kết cấu nhà số 528 (số cũ 271) đường CMT8, tổ 25, khu phố 4, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương từ thời điểm mua đến nay vẫn không thay đổi. Đôi khi có sửa chữa trong thời gian sử dụng, nhưng không đáng kể.

[2.1.3] Thống nhất với bản vẽ, giá trị tài sản tranh chấp như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định.

[2.2] Xét kháng cáo của các đương sự kháng cáo.

[2.2.1] Xét về nguồn gốc nhà, đất:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1, bà Th và anh L xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định khu nhà, đất số 528 (số cũ 271) đường CMT8, tổ 25, khu phố 4, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương là tài sản của cụ Đỗ Văn H và cụ Nguyễn Thị B1, nay là di sản của 02 cụ là đúng và không có yêu cầu gì về bản di chúc của cha mẹ nhưng vẫn yêu cầu được nhận tài sản khu nhà đất này để ở và trả lại tiền theo các kỷ phần cho các đồng thừa kế khác.

[2.2.2] Xét yêu cầu của ông T1, bà Th và anh L yêu cầu được giao khu nhà đất tranh chấp:

Ngày 29/5/1996, cụ H, cụ B1 lập "Tờ di chúc" về việc để lại tài sản cho các con. Đối với nhà, đất tranh chấp thì di chúc của cụ H, cụ B1 định đoạt chia đều cho 08 người con của hai cụ. Di chúc được Ủy ban nhân dân phường PC xác nhận, về hình thức, nội dung di chúc phù hợp với quy định của pháp luật. Trong quá trình tố tụng, các đương sự không ai có ý kiến phản đối Tờ di chúc hoặc có yêu cầu nào khác. Vì vậy, di chúc của cụ H, cụ B1 là hợp pháp và phải thực hiện theo ý chí định đoạt của hai cụ.

Theo các anh chị em khác ngoài ông T1thì sau khi cụ H và cụ B1 chết, các anh em công bố di chúc mà cha mẹ đã xác lập, nhưng ông T1 không đồng ý và có ý định chiếm dụng nhà, đất nên không thể thỏa thuận được. Tài sản là nhà, đất này hiện gia đình ông Đỗ Hoàng T1 và ông Đỗ Hoàng N cùng cư ngụ, quản lý và sử dụng.

Theo di chúc, tài sản do cha mẹ để lại chia đều cho 08 người mỗi người được chia 01 phần bằng nhau. Do bà Đỗ Thị N chết không có chồng, con nên tài sản trên chia đều cho 07 người. Các nguyên đơn và ông Đỗ Hoàng C đồng ý giao quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Hoàng N, ông Nđồng ý để anh chị em, con cháu trong gia đình được về đây thực hiện việc thờ cúng ông bà, cha mẹ. Những người còn lại nhận kỷ phần thừa kế của mình bằng giá trị. Bà Đỗ Thị Hoa X đồng ý cùng ông N đứng ra hoàn lại giá trị kỷ phần cho các thừa kế. Đối với vật dụng và vàng, bạc cha mẹ để lại các nguyên đơn và bị đơn không có tranh chấp.

Do 6/7 đồng thừa kế (trừ ông T1) thống nhất giao cho ông N nhận tài sản để làm nơi thờ cúng cha mẹ. Ông N không có vợ con, ý kiến của 6/7 đồng thừa kế phù hợp với truyền thống, đạo lý của người Việt, do đó, cần chia cho ông N được nhận bằng tài sản khu nhà, đất này. Bà X có yêu cầu được cùng ông N thanh toán cho các đồng thừa kế, Bà X cung cấp được chứng cứ chứng minh khả năng tài chính của mình và các đồng nguyên đơn khác không phản đối. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của Bà X về việc thay thế nghĩa vụ với ông N thanh toán cho các đồng thừa kế. Trường hợp ông N, Bà X không thanh toán thì cá đồng thừa kế có quyền yêu cầu phát mãi tài sản để chia theo tỷ lệ, sau khi trừ đi công sức đóng góp của ông N, ông T1và chi phí phát mãi tài sản.

[2.2.3] Về công sức quản lý tài sản:

Thực tế nhà mua từ năm 1971, cụ Hchết năm 2000, cụ B1 chết năm 2018. Khi đến tuổi trưởng thành, các người con khác đều ra ở riêng chỉ có gia đình ông T1 và gia đình ông N còn ở lại tại nhà này cùng với cụ B1. Như vậy, cần xác định cụ B1 đã bảo quản, giữ gìn tài sản của mình đến năm 2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự cũng xác định việc sửa chữa vào căn nhà là không đáng kể. Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông T1và ông N mỗi người 5% giá trị tài sản là đã có lợi cho hai ông. Tại phiên tòa phúc thẩm cá nhân Bà X đồng ý hỗ trợ tiền công sức gìn giữ, tu bổ vào di sản cho ông T1

thêm 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà X.

Tài sản chia sau khi trừ đi 5% công sức đóng góp của ông T1và ông N còn lại như sau: 5.123.320.000 đồng – 512.332.000 đồng = 4.610.988.000 đồng chia làm 07 phần bằng nhau bằng 658.712.570 đồng.

Như vậy, số tiền các đương sự được hưởng như sau: Ông N, ông T1 mỗi người được hưởng 914.878.570 đồng; ông C, bà Hoa, bà H1, bà X, ông T mỗi người được chia 658.712.570 đồng.

Bà X, ông N đồng ý tiếp tục cho Công X thuê nhà. Ông N là người nhận nhà sẽ thỏa thuận với bên thuê, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác. Ông T1cũng thừa nhận cho Công ty X thuê nhà, nhưng không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nếu tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác. Bà X, ông N đồng ý cho gia đình ông T1lưu cư thời gian 06 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà X, ông N.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận một phần kháng cáo của ông T1, bà Th và anh L; sửa một phần bản án sơ thẩm đối với phần Bà X đồng ý hỗ trợ thêm cho ông T1.

Đối với việc thuê mặt bằng của Công ty X, do không có ý kiến hay yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Các nội dung của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T1 trên 60 tuổi và bị cụt 01 tay, bà Th cũng bị tàn tật, thuộc hộ nghèo, ông T1 đề nghị được miễn toàn bộ án phí, do đó Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông T1.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải nộp.

Trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Đỗ Hoàng T1, Bà Lê Thanh Th và anh Đỗ Thành L.

Các đương sự khác trên 60 tuổi nhưng không có đơn xin miễn giảm án phí. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 221, 234, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 643 và 659 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ Hoàng T1, Bà Lê Thanh Th và anh Đỗ Thành L.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Hoàng N, Bà Đỗ Thị Hồng H, Bà Đỗ Thị Hoa H1, Bà Đỗ Thị Hoa X và Ông Đỗ Hoàng T đối với bị đơn ông Đỗ Hoàng T1 về việc "tranh chấp về thừa kế tài sản";

Tuyên bố "Di chúc" của cụ Đỗ Văn H và cụ Nguyễn Thị B1 lập ngày 29/5/1996 được Ủy ban nhân dân phường PC, thị xã (nay là thành phố) TDM, tỉnh Bình Dương xác nhận ngày 06/6/1996 là hợp pháp.

Xác định căn nhà có tổng diện tích xây dựng 92,2m^2 gắn liền diện tích đất 59m^2 (đo đạc thực tế 58,9m^2), thuộc thửa số 08, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại số: 528 đường CMT8, tổ 25, khu 4, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương là di sản thừa kế của cụ Đỗ Văn H và cụ Nguyễn Thị B1 di chúc cho ông Đỗ Hoàng C, ông Đỗ Hoàng N, Bà Đỗ Thị Hồng H, Bà Đỗ Thị Hoa H1, Bà Đỗ Thị Hoa X, Ông Đỗ Hoàng T và ông Đỗ Hoàng T1 (theo Giấy công nhận quyền sở hữu nhà cửa số 101971/XDSH ngày 30/10/1989 của UBND tỉnh Sông Bé cấp cho cụ Đỗ Văn H và cụ Nguyễn Thị B1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 983540 ngày 26/5/2004 của UBND thị xã TDM cấp cho hộ bà Nguyễn Thị B1).

2.2. Chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Văn H và cụ Nguyễn Thị B1 theo di chúc thành 07 phần, cụ thể: Ông Đỗ Hoàng N, ông Đỗ Hoàng T1 mỗi người được chia số tiền 914.878.570 đồng (chín trăm mười bốn triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi đồng); ông Đỗ Hoàng C, Bà Đỗ Thị Hồng H, Bà Đỗ Thị Hoa H1, Bà Đỗ Thị Hoa X, Ông Đỗ Hoàng T mỗi người được chia số tiền 658.712.570 đồng (Sáu trăm năm mươi tám triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm bảy mươi đồng). Ghi nhận Bà X tự nguyện bỏ tiền ra để hỗ trợ thêm cho ông T1 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

2.3. Buộc ông Đỗ Hoàng N và Bà Đỗ Thị Hoa X chịu trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Đỗ Hoàng T1 số tiền 914.878.570 đồng (Chín trăm mười bốn triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi đồng). Như vậy ông T1 được nhận tổng cộng là 1.014.878.570 đồng (Một tỷ không trăm mười bốn triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi đồng). Buộc ông Đỗ Hoàng N và Bà Đỗ Thị Hoa X chịu trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Đỗ Hoàng C, Bà Đỗ Thị Hồng H, Bà Đỗ Thị Hoa H1, Bà Đỗ Thị Hoa X và Ông Đỗ Hoàng T mỗi người số tiền 658.712.570 đồng (Sáu trăm năm mươi tám triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm bảy mươi đồng).

2.4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong , nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải

trả thêm tiền lãi của số tiền chưa trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.5. Ghi nhận việc Bà Đỗ Thị Hoa X và ông Đỗ Hoàng N đồng ý cho Công ty X và gia đình ông T1 gồm: ông Đỗ Hoàng T1, Bà Lê Thanh Th, anh Đỗ Thành L và cháu Đỗ Lê Cát T4 được lưu cư tại khu nhà đất số 528 đường CMT8, tổ 25, khu phố 4, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương trong thời gian 06 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.6. Trường hợp ông Đỗ Hoàng N và Bà Đỗ Thị Hoa X không thanh toán khoản tiền mà các đồng thừa kế khác được nhận theo bản án này thì các đồng thừa kế có quyền yêu cầu phát mãi tài sản để chia theo tỷ lệ, sau khi trừ đi công sức đóng góp của ông Đỗ Hoàng N, ông Đỗ Hoàng T1 và chi phí phát mãi tài sản.

2.7. Buộc ông Đỗ Hoàng C, Bà Đỗ Thị Hồng H, Bà Đỗ Thị Hoa H1, Bà Đỗ Thị Hoa X, Ông Đỗ Hoàng T, ông Đỗ Hoàng T1, Bà Lê Thanh Th, ông Đỗ Thành L, Công ty X và bà Trần Minh T giao cho ông Đỗ Hoàng N sở hữu và sử dụng nhà có tổng diện tích xây dựng 92,2m^2 gắn liền diện tích đất 59m^2 (đo đạc thực tế 58,9m^2) thuộc thửa số 08, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại số: 528 đường CMT8, tổ 25, khu 4, phường PC, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương, đất có tứ cận:

- Hướng Đông giáp đường CMT8;

- Hướng Tây giáp đường bê tông và đất ông Nguyễn Tấn T4;

- Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Tấn T4;

- Hướng Bắc giáp đường bê tông.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

2.8. Ông Đỗ Hoàng N được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng nhà, đất theo quyết định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Đỗ Thị Hồng H, Đỗ Thị Hoa H1, Ông Đỗ Hoàng T, ông Đỗ Hoàng C và ông Đỗ Hoàng N mỗi người phải nộp 581.100 đồng (Năm trăm tám mươi mốt nghìn một trăm đồng) để trả lại cho Bà Đỗ Thị Hoa X.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị Hồng H, Bà Đỗ Thị Hoa H1, Bà Đỗ Thị Hoa X, Ông Đỗ Hoàng T mỗi người phải nộp 30.348.500 đồng (Ba mươi triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng), được khấu trừ số tiền 53.600.000 đồng (Năm mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) bà H, bà H1, bà X và ông Tài (mỗi người nộp 13.400.000 đồng) tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0026829 ngày 21/9/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Bà Đỗ Thị Hồng H, Bà Đỗ Thị Hoa H1, Bà Đỗ Thị Hoa X và Ông Đỗ Hoàng T mỗi người còn phải nộp

16.948.500 đồng (Mười sáu triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Ông Đỗ Hoàng N phải nộp 39.446.000 đồng (Ba mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn đồng), được khấu trừ số tiền 13.400.000 đồng (mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng) tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0026829 ngày 21/9/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Ông Đỗ Hoàng N còn phải nộp 26.046.000 đồng (Hai mươi sáu triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Ông Đỗ Hoàng C phải nộp 30.348.500 đồng (Ba mươi triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đỗ Hoàng T1.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo không phải chịu.

4.3. Hoàn trả cho ông Đỗ Hoàng T1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2016/0027179 ngày 25/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương; Hoàn trả cho Bà Lê Thanh Th và anh Đỗ Thành L (do bà Th nộp thay) số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của mỗi người đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu số AA/2016/0027187 và AA/2016/0027188 ngày 02/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các nội dung của Bản án số 20/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- NĐ (5);
- BĐ (1);
- NLQ (4);
- Lưu (6). HS (2). 18b (Án-NTTAM)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Huynh